

# THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Lê Ngọc Hiếu<sup>1\*</sup> và Phạm Minh Giản<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

<sup>2</sup>Khoa Sư phạm Khoa học xã hội, Trường Sư phạm, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ: Lê Ngọc Hiếu, Email: lengochieu.c3lhp@cantho.edu.vn

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 23/8/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 18/9/2024; Ngày duyệt đăng: 25/9/2024

## Tóm tắt

Trước yêu cầu đổi mới giáo dục theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học trở thành một xu hướng tất yếu. Bài viết trình bày kết quả khảo sát thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Đối tượng khảo sát là 31 cán bộ quản lý các trường trung học phổ thông thông qua phiếu khảo sát Google Forms theo thang đo Likert 5 mức độ và xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 26 để đánh giá. Kết quả cho thấy các trường trung học phổ thông trên địa bàn nghiên cứu có triển khai quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học bước đầu đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn tồn tại nhiều hạn chế.

**Từ khóa:** Công nghệ thông tin, quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ, trường trung học phổ thông.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1332>

Trích dẫn: Lê, N. H., & Phạm, M. G. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(02S), 41-51. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.02S.2024.1332>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## **CURRENT MANAGEMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY APPLICATION ACTIVITIES IN TEACHING AT HIGH SCHOOLS IN O MON DISTRICT, CAN THO CITY**

**Le Ngoc Hieu<sup>1\*</sup> and Pham Minh Gian<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

<sup>2</sup>*Faculty of Social Sciences Teacher Education, Dong Thap University,  
Cao Lanh 870000, Vietnam*

*\*Corresponding author: Le Ngoc Hieu, Email: lengochieu.c3lhp@cantho.edu.vn*

### **Article history**

*Received: 23/8/2024; Received in revised form: 18/9/2024; Accepted: 25/9/2024*

### **Abstract**

*For modern education innovation, the application of information technology in teaching has become an inevitable trend. This article presents the result of a survey on the current management of information technology application at high school teaching in O Mon district, Can Tho city. The survey subjects were 31 school managers through a Google Forms survey on a 5-level Likert scale and data processing using SPSS 26 software to assess the target outcomes. The result showed that high schools in the study area have implemented information technology application management in teaching and have initially achieved certain results, but there are still many limitations.*

**Keywords:** *Can Tho city, high schools, information technology, information technology application, information technology application management in teaching, O Mon district.*

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời đại công nghệ số, nền giáo dục thay đổi toàn diện với sự hỗ trợ của những thành tựu nổi bật của Internet, di động, trí tuệ nhân tạo, kỹ thuật công nghệ cao, ứng dụng phần mềm... Theo Hamidi & cs. (2011), công nghệ thông tin (CNTT) đẩy nhanh quá trình liên hệ giữa giáo viên (GV) và học sinh (HS), tái sử dụng nhiều lần nguồn học liệu, cung cấp môi trường học tập linh hoạt cao về thời gian và địa điểm. Sử dụng CNTT trong lớp học giúp GV có thể sáng tạo nội dung bài giảng với các phương tiện trực quan, tăng tính hấp dẫn, cải thiện hiệu quả tiếp thu kiến thức, mang đến cho HS cơ hội phát triển kỹ năng số cần thiết (Ratheeswari, 2018). Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT trong dạy học, Thủ tướng chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” với quyết định 131/QĐ-TTg, trong đó nêu rõ việc tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số là bước tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo. (Chính phủ, 2022).

Tuy nhiên, ứng dụng CNTT không hợp lý sẽ trở thành lạm dụng khiến cho quá trình dạy học kém hiệu quả, không đáp ứng được nhu cầu đổi mới giáo dục nền công tác quản lý hoạt động này trong bối cảnh chuyển đổi số ở trường phổ thông là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác quản lý dạy học (Ta, 2022). Nhận thức rõ vấn đề trên, trong những năm qua các trường trung học phổ thông (THPT) tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ triển khai các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học bước đầu đạt được những kết quả nhất định. Đội ngũ cán bộ quản lý (CBQL)-GV nhận thức được tầm quan trọng của việc ứng dụng CNTT và quản lý hoạt động này trong dạy học. Cơ sở vật chất cần thiết cho việc ứng dụng CNTT bước đầu đã được đầu tư mức tối thiểu. Tuy nhiên, còn một số hạn chế như: Một số GV nhận thức chưa rõ về các quan điểm khi ứng dụng CNTT nên còn lạm dụng trình chiếu, chưa quan tâm đến chất lượng tiết dạy; cơ sở vật chất còn thiếu nhiều so với nhu cầu thực tế giảng dạy; đội ngũ CBQL-GV và HS thiếu môi trường để phát triển năng lực số; công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT chưa được thường xuyên, chưa có chính sách thi đua khen thưởng trong hoạt động này.

Tác giả thực hiện nghiên cứu và đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THPT tại quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ nhằm góp phần thiết lập cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất biện pháp phù hợp để từng bước nâng cao chất lượng quản lý hoạt động này.

## 2. Nội dung

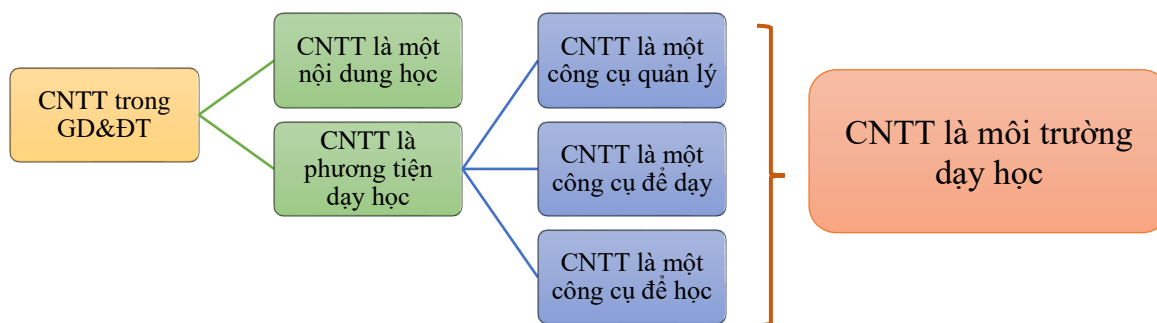
### 2.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 2.1.1. Công nghệ thông tin

Theo Luật CNTT (2006), CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số; Ứng dụng CNTT là việc sử dụng CNTT vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này. (Quốc hội, 2006)

Theo Nguyễn Văn Sinh và cộng sự, CNTT là một ngành kỹ thuật nghiên cứu các ứng dụng của khoa học tính toán sử dụng công nghệ máy vi tính, phần mềm máy tính và các phương tiện truyền thông để xử lý dữ liệu, xử lý thông tin, tổ chức lưu trữ, quản lý, sử dụng và khai thác dữ liệu, thông tin một cách hiệu quả nhanh chóng thuận tiện và chính xác. (Nguyễn & cs., 2016).

Việc nghiên cứu các xu hướng sử dụng công nghệ trong giáo dục và đào tạo đã được bàn đến trong nhiều công trình với các phạm vi khác nhau. Dựa trên tiêu chí coi CNTT với giáo dục và đào tạo là hai thành tố có quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Tác giả Tô Xuân Giáp đã xác định 2 xu hướng chính sử dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo đó là: CNTT vừa là phương tiện dạy học mới với nhiều ưu điểm và vừa là một ngành học với những đặc thù riêng theo sơ đồ dưới đây. (Tô, 1997).



## Sơ đồ 1. Công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo

### 2.1.2. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học

Trình Hoàng Nha và Võ Nguyên Du nêu ra nhân lực chủ yếu của hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học là GV và HS khi nhận định đây là hoạt động đưa CNTT vào quá trình tác động qua lại giữa GV và HS nhằm truyền thụ và lĩnh hội kiến thức, phát triển năng lực và hình thành phẩm chất nhân cách theo mục tiêu giáo dục. (Trình & Võ, 2023).

Theo Nguyễn Bảo Hoàng Thanh và Trịnh Minh Tuấn, hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học là quá trình sử dụng các phương pháp khoa học, các phương tiện và kỹ thuật hiện đại nhằm tổ chức khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn thông tin rất phong phú phục vụ cho giảng dạy. (Nguyễn & Trịnh, 2022).

Đình Thị Thúy Hà cho biết vai trò của ứng dụng CNTT trong dạy học khi khẳng định sử dụng CNTT trong hoạt động dạy học nhằm đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng dạy học nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung. (Đình, 2023).

Trong bài báo này, tác giả cho rằng “Hoạt động ứng dụng CNTT là xu hướng dạy học trên nền tảng công nghệ, nhằm tạo ra môi trường học tập hiện đại, linh hoạt, tăng tương tác giữa GV-HS, góp phần đổi mới nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông.

### 2.1.3. Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông

Quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường phổ thông là những tác động có tổ chức, có hướng đích của nhà quản lý nhằm tạo môi trường CNTT có khả năng thúc đẩy, hỗ trợ cho GV và HS khai thác CNTT vào hoạt động dạy và hoạt động học, tạo môi trường học tập “ảo” cùng với môi trường học tập thực để thúc đẩy HS tích cực học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy học (Nguyễn & Lê, 2023, tr. 48).

Trong nghiên cứu của Trình Hoàng Nha và Võ Nguyên Du, nội dung quản lý ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường THPT gồm: Nâng cao nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của ứng dụng CNTT trong dạy học; Quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng CNTT; Quản lý ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy của GV; Quản lý việc ứng dụng CNTT trong hoạt động học tập của HS; Quản lý các điều kiện hỗ trợ cho công tác ứng dụng CNTT trong nhà trường. (Trình & Võ, 2023).

## 2.2. Khái quát tổ chức khảo sát thực trạng

**Khách thể khảo sát:** Tác giả thực hiện khảo sát 31 CBQL tại trường THPT Lưu Hữu Phước, THPT Lương Định Của và THPT Thới Long ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

**Phương pháp khảo sát:** Khảo sát bằng hình thức trực tuyến thông qua link Google Forms và xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm SPSS 26. Ngoài ra, tác giả còn tiến hành phỏng vấn

CBQL, GV, HS, kiểm tra một số hồ sơ, sản phẩm học tập để có căn cứ làm sáng tỏ thêm các nhận định về công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học trên địa bàn thực hiện nghiên cứu.

Thời gian thực hiện khảo sát: từ ngày 15/01/2024 đến hết ngày 25/01/2024.

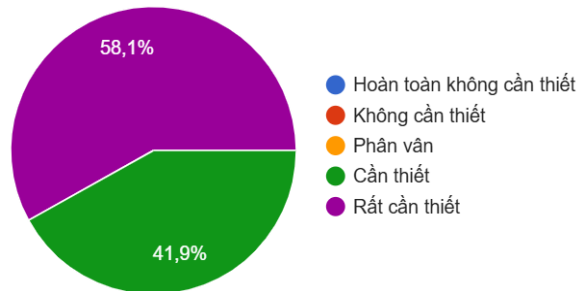
Quy ước thang đo: Phiếu khảo sát thiết kế theo thang đo Likert 5 với mức giá trị khoảng cách 0,8.

**Bảng 1. Quy ước thang đo khảo sát theo điểm trung bình**

ĐTB	Điểm đánh giá				
	①	②	③	④	⑤
	Từ 1,00-1,80	Từ 1,81-2,60	Từ 2,61-3,40	Từ 3,41-4,20	Từ 4,21-5,00
Mức độ cần thiết	Hoàn toàn không cần thiết	Không cần thiết	Phân vân	Cần thiết	Rất cần thiết
Mức độ quan trọng	Hoàn toàn không quan trọng	Không quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất quan trọng
Mức độ thực hiện	Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thông thường	Thường xuyên	Rất thường xuyên

### 2.3. Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

2.3.1. Thực trạng nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông



#### Sơ đồ 1. Nhận thức về tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông

Đạt tỉ lệ 100% CBQL cho rằng việc quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học từ mức độ cần thiết trở lên, trong đó 58,1% chọn rất cần thiết.

**Bảng 2. Đánh giá tầm quan trọng của quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Giúp CBQL huy động các nguồn lực phục vụ cho hoạt động ứng dụng CNTT	0	29,03	54,84	9,68	6,45	2,94
Giúp CBQL rà soát hoạt động ứng dụng CNTT đạt được các mục tiêu đề ra	0	0	35,48	45,16	19,35	3,84
Giúp CBQL đánh giá được hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học	0	0	25,81	54,84	19,35	3,94
Giúp CBQL xác định hướng phát triển của hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp tại đơn vị	0	19,35	45,16	19,35	16,13	3,32
<b>ĐTB chung</b>						<b>3,51</b>

Kết quả khảo sát với ĐTB chung =3,51 cho thấy CBQL đánh giá công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học là việc quan trọng. Trong đó, nhận định “Giúp CBQL đánh giá được hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học” xếp hạng 1 với ĐTB = 3,94 thể hiện rằng CBQL chú trọng hiệu quả của hoạt động này. Nội dung “Giúp CBQL rà soát hoạt động ứng dụng CNTT đạt được các mục tiêu đề ra” xếp hạng 2 với ĐTB = 3,84 và “Giúp CBQL xác định hướng phát triển của hoạt động ứng dụng CNTT phù hợp tại đơn vị” có ĐTB = 3,32. Tuy nhiên, còn nhiều CBQL chọn mức không quan trọng hoặc mức bình thường dẫn đến thiếu sự đồng bộ, nhất quán trong nhận thức về tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

2.3.2. *Thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông*

**Bảng 3. Đánh giá công tác quản lý mục tiêu ứng dụng trong dạy học ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát		Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
		①	②	③	④	⑤	
Xây dựng kế hoạch quản lý mục tiêu	Theo tháng	45,16	29,03	22,58	3,23	0	1,84
	Học kỳ	3,23	19,35	32,26	45,16	0	3,19
	Năm học	0	0	9,68	51,61	38,71	4,29
Báo cáo kết quả đạt được so với mục tiêu	Theo tháng	61,29	22,58	12,90	3,23	0	1,58
	Học kỳ	0	19,35	51,61	29,03	0	3,10
	Năm học	0	0	0	32,26	67,74	4,68

Kết quả khảo sát cho thấy CBQL xây dựng kế hoạch và thực hiện báo cáo công tác quản lý mục tiêu ứng dụng CNTT trong dạy học cho cả năm học, thỉnh thoảng có CBQL thực hiện theo tháng, một số ít làm theo học kỳ nhưng có gần 50% CBQL chưa bao giờ thực hiện. Như vậy, công tác quản lý mục tiêu là chưa kịp thời, cần thực hiện rà soát hoạt động này trong thời gian ngắn hơn, có thể làm theo từng quý hoặc từng học kỳ để có hướng khắc phục điểm yếu, phát huy điểm mạnh phù hợp với thực tế dạy học.

2.3.3. *Thực trạng quản lý nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông*

**Bảng 4. Đánh giá công tác quản lý nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy của giáo viên ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Lập kế hoạch quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy	0	0	16,13	61,29	22,58	4,06
Kiểm tra đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ứng dụng CNTT định kỳ	0	35,48	45,16	19,35	0	2,84
Xây dựng quy định về số lượng kế hoạch bài dạy và số lượng tiết dạy ứng dụng CNTT của GV	0	0	12,90	70,97	16,13	4,03
Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giờ dạy ứng dụng CNTT	54,84	29,03	16,13	0	0	1,61
Dự giờ đánh giá chất lượng tiết dạy ứng dụng CNTT	0	0	25,81	51,61	22,58	3,97

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Đánh giá chất lượng kế hoạch bài dạy, sản phẩm ứng dụng CNTT	45,16	38,71	16,13	0	0	1,71
Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật các cá nhân, tập thể trong việc ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy	70,97	29,03	0	0	0	1,29
<b>ĐTB chung</b>						<b>2,79</b>

Thông qua khảo sát cho thấy CBQL có lập kế hoạch quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy và ban hành quy chế luân môn quy định số lượng kế hoạch bài dạy và số lượng tiết dạy ứng dụng CNTT của giáo viên. Công tác quản lý này được thực hiện thường xuyên với ĐTB trên 4,0 và không có CBQL nào lựa chọn mức độ thỉnh thoảng hoặc chưa bao giờ thực hiện. Xếp hạng 3 là nội dung “Dự giờ đánh giá chất lượng tiết dạy ứng dụng CNTT” được thực hiện thường xuyên với ĐTB = 3,97 điều này mâu thuẫn với nội dung “Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giờ dạy ứng dụng CNTT” có ĐTB = 1,61. Nội dung “Kiểm tra đánh giá kết quả đạt được so với kế hoạch ứng dụng CNTT định kỳ” xếp hạng 4, mức độ thực hiện thông thường, có 35,48% CBQL chọn mức thỉnh thoảng thực hiện. Ngoài ra, “Đánh giá chất lượng kế hoạch bài dạy, sản phẩm ứng dụng CNTT” và “Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật các cá nhân, tập thể trong việc ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy” có ĐTB rất thấp, thuộc mức chưa bao giờ thực hiện.

Như vậy, trong công tác quản lý nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học của GV, CBQL cần quan tâm đến việc xây dựng tiêu chuẩn chất lượng làm căn cứ đánh giá hiệu quả dạy học, tạo động lực cho GV thông qua công tác thi đua khen thưởng, răn đe trường hợp lạm dụng CNTT.

**Bảng 5. Đánh giá công tác quản lý nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động học tập của học sinh**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Lập kế hoạch quản lý chuyên môn, nguồn lực để tạo điều kiện cho HS ứng dụng CNTT trong học tập	0	22,58	19,35	58,06	0	3,35
Chỉ đạo GV hướng dẫn HS ứng dụng CNTT trong học tập	0	6,45	16,13	70,97	6,45	3,77
Phối hợp với đoàn thể, cha mẹ HS để theo dõi hoạt động ứng dụng CNTT trong học tập của HS	9,68	61,29	29,03	0	0	2,19
Đánh giá hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong học tập của HS	0	83,87	16,13	0	0	2,16
Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật HS trong việc ứng dụng CNTT trong học tập	45,16	38,71	16,13	0	0	1,71
<b>ĐTB chung</b>						<b>2,64</b>

Kết quả cho thấy nhà trường có lập kế hoạch quản lý chuyên môn, nguồn lực để tạo điều kiện cho HS ứng dụng CNTT trong học tập và thực hiện thường xuyên công tác chỉ đạo GV hướng dẫn HS ứng dụng CNTT trong học tập. Tuy nhiên, nội dung “Phối hợp với Đoàn thể, CMHS để theo dõi hoạt động ứng dụng CNTT trong học tập của HS”, “Đánh giá hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong học tập của HS” và “Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật

HS trong việc ứng dụng CNTT trong học tập” được đánh giá rất thấp (ĐTB tương ứng là 2,19; 2,16 và 1,71), không có CBQL lựa chọn ở mức độ thường xuyên trở lên.

Như vậy, công tác quản lý nội dung ứng dụng CNTT trong hoạt động học tập của HS chưa được quan tâm đúng mức, cần có biện pháp xây dựng một mô hình học tập có thể kiểm soát việc học tập của HS khi có yếu tố CNTT, bồi dưỡng thêm năng lực CNTT cho GV-HS, tăng cường công tác thi đua khen thưởng trong thời gian tới.

**Bảng 6. Đánh giá công tác quản lý nội dung ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá HS	0	22,58	19,35	58,06	0	3,35
Thực hiện ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá HS	0	83,87	16,13	0	0	2,16
Quản lý kết quả đánh giá bằng phần mềm/ứng dụng	0	9,68	29,03	51,61	9,68	3,61
Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật các cá nhân, tập thể trong việc ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá	45,16	38,71	16,13	0	0	1,71
<b>ĐTB chung</b>						<b>2,64</b>

Giá trị trung bình 3,35 đạt mức độ thực hiện thông thường cho thấy CBQL có lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá HS trong năm học, cũng như công tác triển khai đổi mới kiểm tra đánh giá trong hoạt động chuyên môn, đồng thời quản lý kết quả học tập của HS trên SMAS, Cơ sở dữ liệu ngành. Với ĐTB = 2,16 và có 26 CBQL (chiếm tỉ lệ 83,9%) thỉnh thoảng ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá học sinh cho thấy đa số GV chưa mạnh dạn thực hiện, gặp trở ngại về điều kiện CSVC thiết bị nhà trường và nhận thức của HS trong việc gian lận thi cử. Mặt khác, “Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật các cá nhân, tập thể trong việc ứng dụng CNTT trong kiểm tra đánh giá” chưa được triển khai với ĐTB = 1,71.

Tác giả thực hiện phỏng vấn một số CBQL và GV tìm được một số lý do như sau: Cơ sở vật chất hỗ trợ cho công tác ứng dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá còn hạn chế; việc ứng dụng CNTT vào quản lý ngân hàng đề thi, xử lý và lưu trữ kết quả thi chưa được đầu tư đúng mức do sử dụng các phần mềm miễn phí; trình độ CNTT của GV và HS chưa đồng đều, không có đội ngũ hỗ trợ kịp thời xử lý lỗi trong quá trình thực hiện kiểm tra.

#### 2.3.4. Thực trạng quản lý hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông

**Bảng 7. Đánh giá công tác quản lý hình thức ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Kiểm tra hồ sơ GV	0	0	0	48,39	51,61	4,52
Kiểm tra hồ sơ tổ chuyên môn	0	0	0	48,39	51,61	4,52
Lập sổ theo dõi đăng ký sử dụng thiết bị CNTT, phòng máy, phòng chức năng...	0	9,68	29,03	51,61	9,68	3,61



Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Khảo sát ý kiến của GV và HS về các hình thức tổ chức dạy học ứng dụng CNTT	45,16	29,03	25,81	0	0	1,81
Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật các cá nhân, tập thể về thực hiện các hình thức ứng dụng CNTT	45,16	54,84	0	0	0	1,55
<b>ĐTB chung</b>						<b>2,64</b>

Từ kết quả trên, cho thấy CBQL tập trung cao vào thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra hồ sơ của GV và tổ chuyên môn để quản lý hình thức ứng dụng CNTT với ĐTB = 4,52 đồng xếp hạng 1 và lập sổ theo dõi đăng ký sử dụng thiết bị CNTT, phòng máy, phòng chức năng,... có ĐTB = 3,61. Thực tế cho thấy, thông qua kết quả kiểm tra hồ sơ, CBQL chỉ thấy được GV đăng ký dạy học CNTT với hình thức nào, sử dụng phòng đa chức năng bao nhiêu lượt, thường xuyên sử dụng thiết bị CNTT nào khi dạy học trực tiếp, có tổ chức dạy học trực tuyến hay không? Tuy nhiên, các số liệu thu thập được không cho biết hiệu quả của từng hình thức ứng dụng CNTT cùng với khó khăn của GV-HS.

### 2.3.5 Thực trạng quản lý nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông

**Bảng 8. Đánh giá công tác quản lý quản lý nguồn nhân lực ứng dụng trong dạy học ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trình độ ứng dụng CNTT	0	0	22,58	48,39	29,03	4,06
Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học	0	16,13	22,58	45,16	16,13	3,61
Tiến hành thành lập tổ ứng dụng CNTT nòng cốt	64,52	35,48	0	0	0	1,35
Kiểm tra trình độ ứng dụng CNTT trong dạy học	45,16	29,03	25,81	0	0	1,81
Công tác thi đua khen thưởng, xử lý kỷ luật các cá nhân, tập thể về kết quả bồi dưỡng năng lực CNTT	45,16	54,84	0	0	0	1,55
<b>ĐTB chung</b>						<b>2,48</b>

ĐTB chung là 2,48 cho thấy công tác quản lý nguồn nhân lực ứng dụng CNTT thực hiện thỉnh thoảng, chưa được quan tâm thực hiện. Nội dung “Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng trình độ ứng dụng CNTT” có ĐTB là 4,06 và nội dung “Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng thường xuyên về năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học” có ĐTB là 3,61 thể hiện sự quan tâm của nhà trường trong công tác bồi dưỡng năng lực CNTT cho GV nhưng rà soát hiệu quả của công tác này không thường xuyên cũng như chưa có quy định về thi đua khen thưởng để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm, động lực học tập cho GV. Hơn nữa, tổ ứng dụng CNTT nòng cốt có vai trò rất quan trọng trong việc tham mưu cho Hiệu trưởng, hỗ trợ GV và HS trong quá trình dạy học nhưng không được chú trọng với ĐTB là 1,35, 100% CBQL chọn mức thỉnh thoảng và chưa bao giờ thành lập.

2.3.6. *Thực trạng quản lý điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông*

**Bảng 9. Thống kê cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông**

Cơ sở vật chất	Trường THPT Lưu Hữu Phước	Trường THPT Lương Định Của	Trường THPT Thới Long
Số phòng học	39	32	34
Số phòng dạy đa chức năng	2	2	2
Số phòng học có Tivi	6	2	4
Số Projector (máy chiếu)	5	6	5
Số phòng bộ môn Tin học/số máy tính	2	2	3
Số GV có máy tính phục vụ giảng dạy	69	60	62
Số đường truyền internet	6	5	5

Kết quả thống kê cho thấy cơ sở vật chất tại các trường THPT ở quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ có đầy đủ phòng học và một số phòng hỗ trợ học tập (phòng học bộ môn Tin học, phòng đa chức năng); một số phòng học ở các trường được trang bị thiết bị trình chiếu (máy chiếu, Smart Tivi hoặc Tivi màn hình lớn), thiết bị âm thanh, có đường truyền internet; có phòng bộ môn tin học cơ bản đáp ứng được yêu cầu tối thiểu cho việc ứng dụng CNTT trong dạy học. Tuy nhiên, số lượng phòng học được trang bị tivi và phòng học đa chức năng vẫn còn hạn chế và tốc độ đường truyền Internet chưa thể đo lường được.

**Bảng 10. Đánh giá công tác quản lý điều kiện cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học phổ thông**

Nội dung khảo sát	Tỉ lệ các mức độ (%)					ĐTB
	①	②	③	④	⑤	
Xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu tối thiểu để dạy học tại trường	3,23	3,23	22,58	64,52	3,23	3,68
Xây dựng quy định về bảo quản cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT	0	0	9,68	83,87	6,45	3,97
Xây dựng chính sách hỗ trợ GV và HS để trang bị thiết bị CNTT	0	22,58	19,35	58,06	0	3,35
Trang bị các phần mềm phục vụ dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý học tập	35,48	38,71	25,81	0	0	1,90
Đưa việc bảo quản CSVC, hạ tầng CNTT vào tiêu chí thi đua, khen thưởng hàng năm của nhà trường	70,97	29,03	0	0	0	1,29
<b>ĐTB chung</b>						<b>2,83</b>

Hầu hết các trường có xây dựng cơ sở hạ tầng, mua sắm thiết bị CNTT đáp ứng nhu cầu tối thiểu để dạy học tại trường và quy định về bảo quản cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT, quan tâm đến việc liên kết với các đơn vị cung cấp thiết bị CNTT để hỗ trợ GV và HS mua sắm Laptop, điện thoại thông tin với nhiều ưu đãi. Tuy nhiên, các phần mềm phục vụ dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý học tập được giới thiệu thường là dùng miễn phí, hiệu quả sử dụng chưa cao và không đảm bảo tính bảo mật. Ngoài ra, chưa có tiêu chí thi đua khen thưởng liên quan đến bảo quản CSVC dẫn đến thực trạng thiếu trách nhiệm khi sử dụng.

#### 4. Kết luận

Đa số CBQL ở các trường THPT quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ đã nhận thức được tính cấp thiết, tầm quan trọng của công tác quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học, thể hiện qua việc chú trọng xây dựng kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện ở từng nội dung mà CNTT góp mặt. Tuy nhiên, ứng dụng CNTT trong dạy học không đơn giản, để đạt hiệu quả tối ưu thì cần quản lý chặt chẽ hơn nữa để khắc phục một số hạn chế như sau: Chưa đồng bộ nhận thức của CBQL; chưa thành lập đội ngũ cốt cán có trình độ CNTT cao để hỗ trợ GV và HS trong các đợt tập huấn kỹ năng CNTT, xử lý lỗi thiết bị, bồi dưỡng thường xuyên cho GV tiếp cận với một số phần mềm, tiện ích dạy học trực tuyến. Hơn hết, công tác kiểm tra đánh giá hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học thiếu chuyên nghiệp, không thường xuyên kiểm tra, rà soát hiệu quả khi ứng dụng CNTT trong các tiết dạy; chưa kịp thời xử lý trường hợp lạm dụng CNTT và chế độ thi đua khen thưởng cho GV không được quan tâm. Do còn nhiều hạn chế nêu trên, tác giả hướng đến đề xuất những biện pháp quản lý tác động phù hợp, khả thi để nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới.

#### Tài liệu tham khảo

- Đinh, T. T. H. (2023). Nâng cao hiệu quả quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường tiểu học huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục Việt Nam*, 293(2), 14-16.
- Hamidi, F., Meshkat, M., Rezaee, M., & Jafari, M. (2011). Information technology in education. *Procedia Computer Science*, 3, 369-373. <https://doi.org/10.1016/j.procs.2010.12.062>.
- Nguyễn, V. S., Trần, M. H., & Huỳnh, K. T. (2016). *Công nghệ thông tin - Định hướng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp*. NXB Xây dựng.
- Nguyen, B. H. T., & Trinh, M. T. (2022). Measures to manage the application of information technology in teaching at secondary schools in Tran Van Thoi district, Ca Mau province. *UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education*, 12(1), 149-157.
- Nguyễn, H. H., & Lê, T. H. V. (2023). Biện pháp quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường trung học phổ thông thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La trong bối cảnh đổi mới giáo dục. *Tạp Chí Giáo dục*, 23(12), 47-52.
- Quốc hội. (2006). *Luật số 67/2006/QH11, ngày ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật Công nghệ thông tin*.
- Ratheeswari, K. (2018). Information communication technology in education. *Journal of Applied and Advanced research*, 3(1), 45-47.
- Tạ, V. N. (2022). Measures to manage the application of information and communication technology in teaching in high schools in Don Duong district, Lam Dong province to meet the educational digital transformation era. *Journal of Ethnic Minorities Research, Volume II, Issue 1*, 72-78.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 về việc Phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030"*.
- Tô, X. G. (1997). *Phương tiện dạy học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Trịnh, H. N., & Võ, N. D. (2023). Biện pháp quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường trung học phổ thông tỉnh Bình Định. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 33, 8-12. <https://doi.org/10.52714/dthu.33.8.2018.600>.